

Tác động của hệ sinh thái khởi nghiệp đến quyết định khởi nghiệp của người học: Nghiên cứu tại các trường đại học tư thục Thành phố Hồ Chí Minh

Bùi Quang Đông *

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TỪ KHÓA

Hệ sinh thái
khởi nghiệp,
Quyết định,
Khởi sự kinh doanh,
Người học.

TÓM TẮT

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể về cả số lượng và chất lượng tại các cơ sở ươm tạo và thúc đẩy kinh doanh. Thực tế, Việt Nam đứng 46/132 thứ hạng về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo. Tuy nhiên, mặc dù các chính sách hỗ trợ hệ sinh thái hay các vườn ươm khởi nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng đang được xây dựng nhằm thúc đẩy khởi sự kinh doanh được tạo ra nhưng theo thống kê, chỉ có khoảng 2-3% sinh viên muốn khởi sự kinh doanh. Con số này là rất ít so với thế giới và các nước trong khu vực. Chính vì thế, bài báo này được xây dựng nhằm tìm ra những nhân tố đang tồn tại trong hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam để có thể cải thiện và đầu tư nhiều hơn trong quá trình thúc đẩy tinh thần khởi sự kinh doanh của giới trẻ, đặc biệt là các bạn sinh viên tại các trường đại học tư thục tại Thành phố Hồ Chí Minh. Một mô hình lý thuyết sẽ được hình thành cùng các giả thuyết quan trọng.

1. Giới thiệu

1.1. Bối cảnh thực tiễn

Thung lũng Silicon (Silicon Valley) đã sản sinh ra nhiều huyền thoại khởi nghiệp như Steve Jobs - người sáng lập ra Apple Inc., một trong những công ty công nghệ hàng đầu thế giới với doanh thu hàng năm lên đến vài trăm tỷ USD, ngoài ra còn những cái tên như Twitter, Alphabet, Amazon, DoorDash, Lyft, Snap và Stripe, đều là những doanh nghiệp khởi nghiệp thành công và lớn mạnh xuất phát từ hệ sinh thái khởi nghiệp hoàn hảo ở Silicon Valley. Học tập theo mô hình đó,

năm 2013 Việt Nam xây dựng đề án thương mại hóa công nghệ theo mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp tại Silicon Valley, tạo cầu nối cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước gặp gỡ với các nhà đầu tư, chuyên gia trong lĩnh vực tương ứng. Kết quả, Việt Nam có khoảng 1.800 doanh nghiệp khởi sự kinh doanh, 21 cơ sở ươm tạo và 7 tổ chức thúc đẩy kinh doanh. Các tên tuổi như Tiki, Sendo, Shopee là những minh chứng rõ ràng cho sự thúc đẩy tinh thần khởi sự kinh doanh tại Việt Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2024).

Lẽ dĩ nhiên, đóng góp vào sự phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam, đó chính là vai trò trường đại học. Đại học nói chung là một thành phần không

* Tác giả liên hệ. Email: dongbq@uef.edu.vn

<https://doi.org/10.61602/jdi.2024.77.02>

Ngày nhận: 25/03/2024; Ngày chỉnh sửa: 25/04/2024; Duyệt đăng: 05/05/2024; Ngày online: 12/7/2024
ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

thể thiếu và đóng vai trò rất quan trọng đến sự vận hành của hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia. Thật vậy, theo Quý (2021), một trường đại học nhận định cơ sở của mình đủ mạnh thì phải biến mình trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh, tạo ra nguồn sản xuất tri thức và công nghệ cho xã hội, cung cấp ý tưởng sáng tạo dồi dào cho các dự án khởi sự kinh doanh, góp phần gia tăng tài sản trí tuệ và năng lực trí tuệ cho xã hội. Lý thuyết là vậy, nhưng thực tế cho thấy, mặc dù các vườn ươm khởi nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng đang được xây dựng và kèm vào đó nhiều chính sách, cơ hội thúc đẩy khởi sự kinh doanh được tạo ra nhưng theo thống kê, chỉ có khoảng 2-3% sinh viên muốn khởi sự kinh doanh (Nga, 2021). Điều này chỉ ra rằng cần phải có thêm các nghiên cứu để cải thiện và nhấn mạnh để nâng cao ý định khởi nghiệp dành cho giới trẻ.

1.2. Bối cảnh lý thuyết

Cùng với những nhận định về thực tế vừa nêu trên, nhiều học giả đã thực hiện rất nhiều nghiên cứu để tìm hiểu thêm về các yếu tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đặc biệt là tại các trường đại học. Thật vậy, một hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường đại học được khẳng định rằng chỉ thật sự đủ tốt và đủ khả năng thuyết phục sinh viên, học sinh tham gia khởi sự kinh doanh với tinh thần mạnh mẽ là khi tạo được động lực mạnh mẽ dựa trên nền tảng cơ sở vật chất, kiến thức và hạ tầng để khuyến khích sinh viên trở thành những khởi nghiệp gia từ ngay trên ghế nhà trường (Zellweger & cộng sự, 2011). Bên cạnh đó, khởi sự kinh doanh phải được xem là hoạt động định hướng sinh viên có một con đường phát triển sự nghiệp bền vững trong hệ sinh thái khởi nghiệp (Beeka & Rimmington, 2011), chứ không phải khởi sự kinh doanh theo xu hướng. Đáp ứng được những điều trên và thậm chí hơn thế nữa thì những đại học như vậy mới xứng được gọi là “đại học khởi nghiệp (entrepreneurial university)” (Dinh, 2020).

Từ những phân tích thực trạng trên, cùng hàng loạt các nghiên cứu mang tính tổng kê của nhiều tác giả về việc xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp trong đại học và vai trò của hệ sinh thái khởi nghiệp đại học trong nước (Nga, 2021; Duy, Duong, Truong & Son, 2021; Thoa, Nguyên & Dương, 2021; Cường, 2021), thêm vào đó là những tham khảo nghiên cứu định lượng cùng chủ đề tại các bài nghiên cứu thành công khác trên thế giới (Elnadi, Gheith & Farag, 2020; Elnadi & Gheith, 2021; Bikram Prajapati & Krishna Khanal, 2023). Tác giả nhận thấy tính cấp thiết của đề tài “Tác động của hệ sinh thái khởi nghiệp đến quyết định khởi sự kinh

doanh của người học - Nghiên cứu tại các trường Đại học tư thục Thành phố Hồ Chí Minh” cần được đào sâu nghiên cứu và tìm ra những nhân tố cụ thể đang tồn tại trong hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam để có thể cải thiện và đầu tư nhiều hơn trong quá trình thúc đẩy tinh thần khởi sự kinh doanh của giới trẻ. Với đề tài này, tác giả sẽ giới hạn và chỉ tập trung trước vào nhóm trẻ là sinh viên tại một số trường đại học tư thục tại TP.Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo sự cụ thể và có kết quả nghiên cứu mẫu đồng bộ và có tính đại diện tin cậy nhất.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết về khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp (E)

Khởi nghiệp được hiểu là một hoạt động mang tầm chiến lược và cần được đầu tư nghiêm túc, vì nó góp phần không nhỏ thúc đẩy nền kinh tế phát triển của một quốc gia (Acs & Szerb, 2007). Nói một cách rõ hơn, thì khởi nghiệp là một trong nhiều nhân tố quan trọng mà các nhà hoạch định chính sách quốc gia phải nhận thức được vai trò quan trọng của nó (BarNir & cộng sự, 2011). Dĩ nhiên, ngày nay một trong các chính sách đưa ra bởi các nhà làm chính sách quốc gia là tuyên truyền và giáo dục giới trẻ hiểu được khởi nghiệp phải được quan tâm như một lựa chọn phát triển nghề nghiệp phổ biến (Schwarz, Wdowiak, Almer-Jarz & Breitenecker, 2009). Khởi nghiệp dù có mang nhiều lợi ích từ vĩ mô đến vi mô như đã phân tích ở trên, thì cũng không thể nào chỉ nhìn vào các mặt mạnh và các nhân tố động lực như trên mà quên rằng khởi nghiệp cũng là một quá trình sáng tạo mạo hiểm, và người khởi nghiệp phải sẵn sàng chấp nhận rủi ro để thay đổi và để chủ động khai thác các cơ hội để tạo ra giá trị gia tăng khác (Shane, 2012; Balan & Metcalfe, 2012).

Thật vậy, rủi ro là thứ luôn đi kèm câu chuyện khởi nghiệp và luôn tồn tại hiển nhiên trong những sự đổi mới cần thiết (Setiawan, 2014). Một hoạt động chấp nhận rủi ro để tìm kiếm sự đổi mới trong kinh doanh, giúp thỏa mãn những nhu cầu luôn thay đổi không giới hạn của con người, của một đất nước, đó là đặc tính của khởi nghiệp, vậy sẽ không sai khi nói rằng khởi nghiệp nên được nhận định là “nghệ thuật” khám phá quá trình quản lý khởi nghiệp nhằm sáng tạo tự chủ, và nâng cao khả năng thích ứng để tạo ra giá trị nghệ thuật cho nền kinh tế và cả xã hội (Chang, 2015).

Nói chung, lý thuyết về khởi nghiệp qua từng giai đoạn đều có sự tiến triển và được bổ sung rất cụ thể để làm tăng vai trò và tầm quan trọng của khởi nghiệp xuất

phát từ cá nhân cho đến việc lên tận tầm quốc gia. Điều này chứng tỏ tính cấp thiết của việc nghiên cứu khởi nghiệp là không nhỏ, lần Bakar và cộng sự (2017) và Molino và cộng sự (2018) đã nghiên cứu thậm chí kỹ hơn từ việc quan sát thực tế từ các doanh nghiệp, từ đó thừa nhận năng lực khởi nghiệp của các doanh nghiệp khởi nghiệp ngay từ đầu. Ngày nay, các trường đại học trên thế giới cũng ngày càng thể hiện sự quan tâm đến việc thúc đẩy khởi nghiệp trong chương trình đào tạo của các trường dành cho sinh viên (Nowiński & cộng sự, 2019).

2.2. Lý thuyết về hệ sinh thái khởi nghiệp (EE)

Theo Isenberg (2010), một hệ sinh thái khởi nghiệp vững mạnh phải đảm bảo bao hàm thị trường tốt, nguồn nhân lực luôn sẵn sàng hỗ trợ, văn hóa, tài chính và chính sách luôn được xây dựng một cách có chủ đích và phù hợp nhất. Tuy nhiên trong nghiên cứu tiếp theo của Isenberg (2011), ông đã bổ sung rằng trong hệ sinh thái khởi nghiệp cần phải có thêm nhân tố lãnh đạo công, chính phủ, tài sản hữu hình, chuyên gia, nguồn vốn, các hiệp hội ngành, các tổ chức học thuật, cơ sở hạ tầng vật chất, vị trí địa lý, nhóm chính thức và không chính thức, chuyên viên quản trị rủi ro và khách hàng tiềm năng trong hệ sinh thái.

Nhìn chung, khi phát triển thêm các nghiên cứu về hệ sinh thái tại các quốc gia đang phát triển hoặc ở loại quốc gia nào thì các nhân tố trụ cột trong hệ sinh thái khởi nghiệp vẫn không thể thay đổi như: vốn con người, tài chính, dịch vụ; các thể chế chính thức và không chính thức (Foster & cộng sự, 2013). Còn Malecki (2018) đã nghiên cứu kỹ hơn về các nhân tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp và còn cụ thể phân chia mười nhân tố mà ông tìm được thành ba loại: (1) hỗ trợ từ thể chế, (2) nguồn lực sẵn có và (3) tạo ra giá trị mới. Như vậy, đại đa số các nghiên cứu về hệ sinh thái khởi nghiệp đều đồng quan điểm về tính quan trọng ưu tiên nhất là phải xây dựng thể chế tốt.

Vậy những tiêu chí chung nào cần được đúc kết trong một hệ sinh thái khởi nghiệp được cho là hoàn thiện nhất để xây dựng hệ sinh thái tốt nhất, dựa trên khuôn khổ của GEM (Chỉ số khởi nghiệp toàn cầu), các trụ cột chính của hệ sinh thái khởi nghiệp là:

- Sự sẵn có về tài chính (ATF: Availability of Finance);
- Các chính sách và quy định hỗ trợ của chính phủ (GPR: Supportive Government Policies and Regulations);
- Các chương trình của chính phủ dành cho

doanh nhân (GPS: Government Programs for Entrepreneurs);

- Giáo dục và đào tạo khởi nghiệp (EEd: Entrepreneurial Education and Training);
- Văn hóa hỗ trợ và Chuẩn mực xã hội (CSN: Supportive Culture and Social Norms);
- Khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng vật chất (API: Access to Physical Infrastructure)

Tại Việt Nam cũng có một số nghiên cứu hoàn thành tương tự trong bối cảnh khởi nghiệp Việt Nam đang được đầu tư phát triển một cách mạnh mẽ trong các chính sách phát triển kinh tế như Duy, Duong, Truong & Son (2021) đã tìm ra mối quan hệ giữa hệ sinh thái khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Đại học Miền Đông (EIU) hay Lê, Thạch, Nguyễn & Lưu (2022) nghiên cứu về “Tác động từ hệ sinh thái khởi nghiệp đến hành vi khởi nghiệp của thanh niên tại Trà Vinh”.

2.3. Lý thuyết về ý định khởi nghiệp (EI)

Nhiều nghiên cứu đã xác định ý định khởi nghiệp là một trong những nhân tố dự báo quan trọng nhất về hoạt động và hành vi khởi nghiệp (Kruege, Reilly, Carsrud, 2000; Autio & cộng sự, 2001). Có thể nói dự báo về hoạt động khởi nghiệp và hành vi khởi nghiệp đã được chứng minh về tầm quan trọng và tính chất tích cực trong mối quan hệ giữa ý định khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp từ lúc non trẻ. Nguyên nhân chính của việc đánh giá cao về ý định khởi nghiệp như đề cập ở trên đã được Thompson (2009) chỉ ra rằng có liên quan đến niềm tin, cụ thể khi niềm tin cao thì ý định khởi nghiệp cũng cao vì ý định là “sự tự thừa nhận niềm tin của một người có ý định thành lập một dự án kinh doanh mới và có kế hoạch thực hiện việc đó một cách có ý thức vào một thời điểm nào đó trong tương lai”.

Tuy nhiên, ý định khởi nghiệp lại được hiểu khác nhau và có sự đo lường không tương đồng ở những nước khác nhau, cụ thể hơn là sự khác nhau đáng kể ở các nước đang phát triển với các nước phát triển (Iakovleva & cộng sự, 2011). Sự khác nhau này là do ý định khởi nghiệp là một khái niệm được đánh giá quan trọng hơn cả trong giai đoạn đầu của quá trình kinh doanh (Schlaegel & Koenig, 2014), mà giai đoạn đầu, khởi sự của doanh nghiệp ở những hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia khác nhau, chắc chắn sẽ có xuất phát điểm khác nhau. Tóm lại, nếu không có ý định khởi nghiệp, bất kỳ bước khởi nghiệp nào tiếp theo sẽ không tồn tại.

Singh & Gaur (2018) cho rằng muốn biết được sự khác nhau giữa các quốc gia đang phát triển và đã phát triển về ý định khởi nghiệp thì cần phải điều tra các nhân tố hệ sinh thái khởi nghiệp ở các nước đang phát triển và đặc biệt là các nước Trung Đông để hiểu rõ hơn về cách các nhân tố này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ý định khởi nghiệp ở các quốc gia đang phát triển khác thế nào khi ở các nước phát triển. Tại Việt Nam 25,0% người dân có ý định khởi nghiệp, xếp quốc gia ở vị trí thứ 19/54 quốc gia.

Như vậy, ý định khởi nghiệp sẽ phản ánh mức độ sẵn sàng, mong muốn và sự chuẩn bị của một người trong việc theo đuổi khởi nghiệp, và họ sẽ coi đó như một sự lựa chọn nghề nghiệp và tham gia vào các hoạt động khởi sự kinh doanh (Alammari & cộng sự, 2019).

2.4. Lý thuyết về năng lực tự thân khởi nghiệp (ESE)

Bên cạnh các điều kiện về hệ sinh thái khởi nghiệp được đầu tư và phát triển để thúc đẩy ý định khởi nghiệp, thì năng lực tự thân khởi nghiệp cũng là một nhân tố có tính tác động cần được cân nhắc để những ý định khởi nghiệp được củng cố, bên cạnh đó năng lực khởi nghiệp sẽ có ảnh hưởng không hề nhỏ đến quyết định khởi nghiệp.

Áp dụng vào nghiên cứu khởi nghiệp, Sheperd & Krueger (2002) đã mở rộng định nghĩa rằng năng lực tự thân của một doanh nhân sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn hành động của người doanh nhân và quyết định việc tiêu thụ năng lượng (hoặc sự nỗ lực) của họ trong quá trình hành động đạt được mục tiêu của họ. Dĩ nhiên, khi tập trung niềm tin và năng lực của mình vào một quyết định hay quá trình nào đó, doanh nhân đang cho thấy mức độ tin tưởng vào kỹ năng và khả năng của họ để hoàn thành thành công các nhiệm vụ cần thiết để có thể khởi nghiệp một dự án khởi sự kinh doanh mới theo đúng mục tiêu đề ra ban đầu (Zhao, Seibert & Hills, 2005). Vậy năng lực tự thân có thay đổi theo thời gian, điều này theo một số nghiên cứu đã chứng minh rằng, một số người năng lực là khó thay đổi trong thời gian dài, một số doanh nhân khác thì lại thay đổi nhanh hoặc tạm thời theo bối cảnh thời gian, trong từng giai đoạn cụ thể (McGee & cộng sự, 2009).

Vậy nên, nghiên cứu về năng lực tự thân là rất quan trọng để hiểu hành vi của cá nhân vì nó có thể quyết định sự kiên trì, khả năng phục hồi và sự cống hiến của một người khi đối mặt với việc giải quyết vấn đề,

cũng như mức độ nỗ lực mà người đó sẽ nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ trong quá trình chinh phục khởi nghiệp (Memo, Soomro & Shah, 2019).

2.5. Lý thuyết về quyết định khởi nghiệp (ED)

Tất cả hành vi khởi sự đều bắt đầu bằng những ý định. Trong kinh doanh cũng vậy, hành vi khởi sự kinh doanh cũng phải khởi nguồn bằng những ý định. Doanh nhân nào cũng vậy, khởi sự luôn từ những ý tưởng (Krueger, Reilly & Carsrud, 2000). Tuy nhiên, ý định sẽ không phải điều duy nhất đủ động lực thúc đẩy dẫn đến quyết định, mà bên cạnh đó hệ sinh thái khởi nghiệp cũng rất quan trọng tạo ra tác động (Hitt, Ireland, Camp & Sexton, 2001) để quyết định trở nên có cơ sở để trở thành hiện thực. Về định nghĩa cụ thể hơn, quyết định khởi sự kinh doanh của một cá nhân có thể được hiểu là kết quả hay điểm đích của những suy nghĩ liên quan đến ý nghĩ quyết định của việc bắt đầu khởi sự kinh doanh (Souitaris, Zerbini & Al-Laham, 2007). Không chỉ Souitaris và cộng sự nghiên cứu về mối quan hệ giữa quyết định và ý định mà còn rất nhiều nghiên cứu khác đã được thực hiện nhằm nhấn mạnh câu chuyện hình thành hành vi khởi sự kinh doanh hay nói cách khác là về quyết định khởi nghiệp đã được tìm hiểu từ rất lâu, vì xét cho cùng quyết định khởi sự kinh doanh mới thực sự là hành động cần được khuyến khích để tạo ra giá trị thực.

Vậy nên, nhiều nhà nghiên cứu đã xem xét các nhân tố có thể ảnh hưởng đến quyết định trở thành doanh nhân và làm thế nào để một cá nhân có đủ tinh thần và năng lực để bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Dĩ nhiên, hầu hết các kết quả nghiên cứu đều khẳng định rằng ý định khởi nghiệp là bước đầu tiên trong quá trình khởi nghiệp và đóng vai trò quan trọng khi ra quyết định trở thành doanh nhân của một cá nhân (Buli & Yesuf, 2015; Liñán & Fayolle, 2015; Ali, Ali & Badghish, 2019). Bên cạnh ý định khởi nghiệp thì trạng thái của hệ sinh thái cũng hình thành hành vi khởi nghiệp cá nhân (Auerswald & Dani, 2017; Lerner & cộng sự, 2018; Stephens & cộng sự, 2019).

2.6. Lý thuyết về nền tảng gia đình trong khởi nghiệp (FB)

Nguồn gốc gia đình đóng vai trò như một ảnh hưởng ngầm nhưng mạnh mẽ trong việc hình thành tham vọng và động lực kinh doanh của mỗi người. Phù hợp với lịch sử học tập, nguyên tắc và nền tảng của một cá nhân, di sản kinh doanh của một gia đình đóng

một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc có khả năng cản trở tinh thần kinh doanh. Hiểu được tác động qua lại giữa tác động của nền tảng gia đình và khát vọng kinh doanh sẽ cho phép các học giả và nhà nghiên cứu làm sáng tỏ những cách đa dạng mà nguồn gốc gia đình định hình cách tiếp cận của một cá nhân đối với rủi ro, tham vọng và sự kiên trì trong việc theo đuổi các dự án kinh doanh.

Vậy nên, nền tảng gia đình và đặc biệt là nguồn gốc của gia đình có liên quan đến kinh nghiệm kinh doanh lâu năm sẽ là đòn bẩy rất lớn cho việc khởi sự kinh doanh, điều này được chứng minh không phải gần đây mà đã được nghiên cứu từ khá lâu, cụ thể theo Scott & Twomey (1988) nguồn gốc gia đình hoặc hoàn cảnh gia đình ảnh hưởng đến ý định thành lập doanh nghiệp của chủ doanh nghiệp nhỏ. Thực vậy, mối quan hệ này có thể là trực tiếp tác động ra được những kết quả cụ thể là việc hình thành doanh nghiệp, hoặc cũng có thể chỉ là những tác động gián tiếp nhưng lại đem về những ảnh hưởng không nhỏ đến ý định khởi sự kinh doanh (Kolvereid, 1996), thậm chí trong nghiên cứu của mình, Bandura (1997) còn khẳng định rất chắc chắn với những lập luận của mình rằng nền tảng gia đình có vai trò quyết định rất lớn trong việc hình thành nhận thức và củng cố năng lực bản thân trong khởi sự doanh nghiệp, ý kiến này có vẻ đồng quan điểm với nhiều nghiên cứu khác khi đánh giá về vai trò quyết định của nền tảng kinh doanh gia đình ở những năm tiếp theo (Carr & Sequeira, 2007).

Tại Việt Nam, trong bối cảnh cụ thể, sát hơn trong nghiên cứu này, có một nghiên cứu trước đây đã đưa ra một kết luận khá thú vị nhưng rất hữu ích về vai trò nền tảng gia đình đối với ý định khởi sự kinh doanh, cụ thể Nguyen (2020) lập luận rằng nền tảng gia đình

rất có ảnh hưởng lâu dài đến trí tuệ, nghề nghiệp và kết quả kinh tế của người trưởng thành. Chính vì thế ngay từ khi còn là trẻ em, được tiếp xúc trong môi trường gia đình có truyền thống và kinh nghiệm kinh doanh thường sau khi tốt nghiệp thì sẽ có xu hướng tự làm chủ cao hơn..

3. Mô hình nghiên cứu và đề xuất giả thuyết

3.1. Mô hình đề xuất

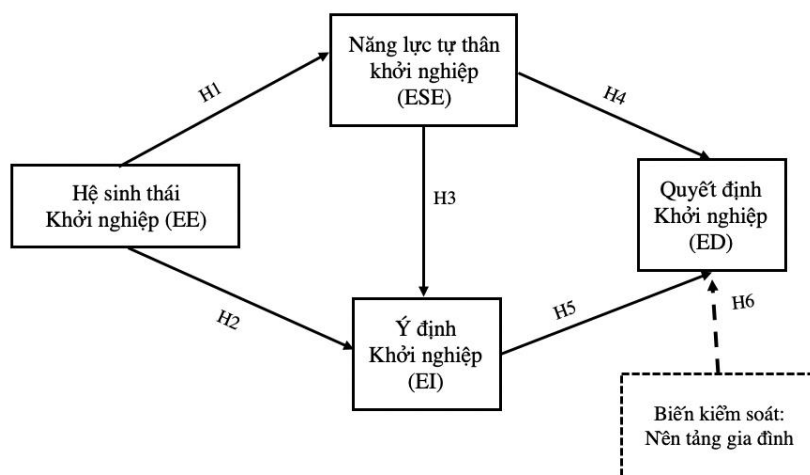
Dựa trên khuôn khổ lý thuyết thu được từ 04 bài báo nghiên cứu trong nước từ năm 2019 đến năm 2024 và tổng hợp 02 bài báo nghiên cứu nước ngoài được xuất bản từ năm 2021 đến 2023, các mô hình và kết quả thu được liên quan đến khởi nghiệp (E), ý định kinh doanh (EI), năng lực tự đổi mới kinh doanh (ESE) và hệ sinh thái khởi nghiệp (EE) đã được tác giả phân tích cẩn thận để xác định các nhân tố quan trọng nhất để xây dựng mô hình đề xuất.

Hơn nữa, việc đưa vào các mô hình nghiên cứu trong và ngoài nước nhấn mạnh những mối quan tâm thực tiễn cấp bách và nền tảng lý thuyết rất phù hợp với lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam, từ đó khơi dậy niềm tin cho tác giả về việc phát triển một mô hình mạnh mẽ và có giá trị.

Từ cơ sở lý thuyết trên, tác giả nhận định rằng các nhân tố cần được khai thác để xây dựng mô hình đề xuất:

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết H1: Hệ sinh thái khởi nghiệp (EE) có mối quan hệ tích cực đối với nhân tố Năng lực tự thân



Hình. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Tác giả

khởi nghiệp (ESE).

Giả thuyết H2: Hệ sinh thái khởi nghiệp (EE) có mối quan hệ tích cực đối với nhân tố Ý định khởi nghiệp (EI).

Giả thuyết H3: Nhân tố Năng lực tự thân khởi nghiệp (ESE) có mối quan hệ tích cực đối với nhân tố Ý định khởi nghiệp (EI).

Giả thuyết H4: Nhân tố Năng lực tự thân khởi nghiệp (ESE) có mối quan hệ tích cực đối với nhân tố Quyết định khởi nghiệp (ED).

Giả thuyết H5: Nhân tố Ý định khởi nghiệp (EI) có mối quan hệ tích cực đối với nhân tố Quyết định khởi nghiệp (ED).

Giả thuyết H6: Nhân tố Nền tảng gia đình (FB) có mối quan hệ kiểm soát đối với nhân tố Quyết định khởi nghiệp (ED).

4. Kết luận

Nghiên cứu này thiết lập các lý thuyết, từ cũ đến đương đại, xung quanh sự phát triển của ý định khởi nghiệp, lý thuyết quyết định khởi nghiệp, lý thuyết hệ sinh thái khởi nghiệp và năng lực tự khởi nghiệp. Hơn nữa, tổng cộng 06 công trình nghiên cứu đáng chú ý liên quan đến khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp, ra quyết định khởi sự kinh doanh và các yếu tố thiết yếu khác đã được ghi lại trong nghiên cứu này để xây dựng khung nghiên cứu đề xuất.

Chính xác hơn, các tài liệu tham khảo đã dựa trên thừa kế 04 nghiên cứu trong nước và 02 nghiên cứu quốc tế. Việc sử dụng, tiếp tục và điều tra sâu hơn các nỗ lực nghiên cứu địa phương là rất quan trọng vì chúng mô tả chính xác bối cảnh lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam, cho phép nhà nghiên cứu tìm hiểu sâu hơn về đề tài.

Tóm lại, bài báo này cung cấp toàn diện và thiết lập một khuôn khổ khái niệm đáng tin cậy dựa trên các lý thuyết thích hợp. Sau đó, một mô hình lý thuyết đã được đưa ra cho các quyết định khởi nghiệp dựa trên ảnh hưởng của hệ sinh thái khởi nghiệp, tập trung vào khảo sát các sinh viên tại các trường đại học tư thục ở Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Buli, B.M., & Yesuf, W.M. (2015). Determinants of entrepreneurial intentions: Technical-vocational education and training students in Ethiopia. *Education & Training*, 57, 891-907.

Carr, J. C., & Sequeira, J. M. (2007). Prior family business exposure as intergenerational influence and entrepreneurial intent: A theory of planned behavior approach. *Journal of Business Research*, 60(10), 1090-1098.

Cuong, N.Q. (2021). Tổng Quan Về Nghiên Cứu Ý Định Khởi Nghiệp Và Các Khuyến Nghị Để Thúc Đẩy Phong Trào Khởi Nghiệp Của Sinh Viên. *Hội Thảo Khoa Học Khởi Nghiệp Đổi Mới Sáng Tạo Năm 2021 (ISSC 2021)*, 204.

Dinh, V.T. (2020). Entrepreneurial universities and the development model for public universities in Vietnam. *International Journal of Entrepreneurship*, 24(1).

Elnadi, M., & Gheith, M. H. (2021). Entrepreneurial ecosystem, entrepreneurial self-efficacy, and entrepreneurial intention in higher education: Evidence from Saudi Arabia. *The International Journal of Management Education*, 19(1), 100458. doi:10.1016/j.ijme.2021.100458

Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2024). *Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam bước vào giai đoạn mới*. Truy cập tại <https://www.vista.gov.vn/vi/news/khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao/he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-viet-nam-buoc-vao-giai-doan-moi-8006.html>

Iakovleva, T., Kolvereid, L., & Stephan, U. (2011). Entrepreneurial intentions in developing and developed countries. *Education + Training*, 53(5), 353-370.

Liñán, F., & Fayolle, A. (2015). A systematic literature review on entrepreneurial intentions: Citation, thematic analyses, and research agenda. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 11(4), 907-933.

Malecki, E. J. (2018). Entrepreneurship and entrepreneurial ecosystems. *Geography Compass*, 12(3).

Nga, P. T. (2021). Vai trò của các trường đại học trong mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam. *Hội thảo khoa học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2021 (ISSC 2021)*, 47.

Quý, N. L. Đ. (2021). Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp cho thanh niên: Thực trạng và các điều kiện. *Tạp chí Giáo dục*.

Schlaegel, C., & Koenig, M. Determinants of Entrepreneurial Intent: A Meta-Analytic Test and Integration of Competing Models. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 2014, 38(2), 291-332. DOI: <https://doi.org/10.1111/etap.12087>

Schwarz, E. J., Wdowiak, M. A., Almer-Jarz, D. A., & Breitenacker, R. J. (2009). The effects of attitudes and perceived environment conditions on students' entrepreneurial intent: An Austrian perspective. *Education and Training*, 51(4), 272-291. <https://doi.org/10.1108/00400910910964566>.

Setiawan, J. L. (2014). Examining entrepreneurial self-efficacy among students. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 115, 235-242. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.02.431>

Thoa H.T.B., Nguyen, P. Q. & Duong, V. A. (2021). Tăng cường vai trò của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2021 (ISSC 2021)*, 142.

The impact of the startup ecosystem on learners decision to start a business: Research at private universities in Ho Chi Minh City

Bui Quang Dong

Ho Chi Minh City University of Economics and Finance, Vietnam

Abstract

The burgeoning entrepreneurial ecosystem in Vietnam has experienced notable advancements in quantity and quality within business incubation and acceleration facilities. Vietnam is positioned at 46 out of 132 in terms of its innovative and inventive entrepreneurial ecosystem. Notwithstanding, even though endeavors are underway to establish policies supporting ecosystems or entrepreneurial incubation within academic institutions to foster entrepreneurial ventures, data indicates that merely 2-3% of students express an interest in entrepreneurship. This figure pales in comparison to global and regional counterparts. Consequently, this manuscript aims to identify the prevailing factors within the Vietnamese entrepreneurial ecosystem to enhance and allocate more resources towards nurturing the entrepreneurial drive among young individuals, particularly students enrolled in private universities located in Ho Chi Minh City. A theoretical framework will be developed encompassing crucial hypotheses.

Keywords: Entrepreneurial ecosystem, decision, entrepreneurial decision, learner.